**TUẦN 5:** **CHỦ ĐỀ 1: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**Bài 09: TRƯỚC CỔNG TRỜI (3 tiết)**

**Tiết 1: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết thể thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi.

Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,…qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,…Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hòa với thiên nhiên và đầy sức sống. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| **1. Giới thiệu về chủ điểm.**  - GV giới thiệu bức tranh chủ điểm và nêu câu hỏi:  + Bức tranh vẽ những gì?    - GV nhận xét và chốt:  Bức tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang khám phá thế giới xung quanh rộng lớn, tươi đẹp, chứa đựng bao điều mới lạ, bổ ích. Đó cũng là chủ điểm thứ hai của môn học Tiếng Việt: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ | | HS quan sát bức tranh chủ điểm, àm việc chung cả lớp:  Bức tranh vẽ cảnh vật thiên nhiên có nhiều con vật, các bạn nhỏ đang khám phá thiên nhiên xung quanh.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khởi động**  - GV cho HS quan sát tranh và cho biết vì sao cảnh vật trong bức tranh dưới đây được gọi là “cổng trời"?  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới: Bức tranh minh họa đã giúp các em cảm nhận phần nào về cảnh sắc thiên nhiên được nói đến trong bài thơ. Hôm nay chúng ta sẽ đọc bài thơ Trước cổng trời để cảm nhận rõ hơn sự kí thú của thiên nhiên mà nhà thơ Nguyễn Đình Ảnh muốn gửi đến chúng ta. | | - HS quan sát kĩ bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  + Cảnh vật trong bức tranh được gọi là “cổng trời” vì khung cảnh rất đẹp. Phía trên là bầu trời với những đám mây sà xuống. Hai bên là vách đá cao chót, có thác chảy xuống. Bầu trời rất gần với mặt đất nên tưởng như cổng trời.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Trước cổng trời. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi.  - Cách tiến hành: | | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  - GV chia khổ thơ: 6 khổ (4 dòng thơ một khổ)  - GV gọi 6 HS đọc nối tiếp khổ thơ.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *ngút ngát, ngút ngàn, nguyên sơ,vạt nương, lòng thung,…*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu:  *Giữa hai bên vách đá/*  *Mở ra một khoảng trời/*  *Có gió thoảng, mây trôi/*  *Cổng trời trên mặt đất?//*  - GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng ở khổ đầu  - GV mời 6 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV nhận xét tuyên dương. | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các khổ thơ.  - 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc khổ thơ.  - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.  - 6 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được vẻ đẹp thiên nhiên vùng núi cao.  + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.  + HS có kĩ năng học thuộc lòng bài thơ, học tập được cách dùng từ, viết câu giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.  - Cách tiến hành: | | | |
| **3.1. Giải nghĩa từ.**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  + Nguyên sơ: vẫn còn nguyên vẻ đẹp như lúc ban đầu.  + Vạt nương: mảnh đất trồng trọt trải dài trên đồi, núi.  + Triền: dải đất thoai thoải ở hai bên bờ sông hoặc hai bên sườn núi.  + Sương giá: sương lạnh buốt ( vào mùa đông). | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ | | |
| **3.2. Tìm hiểu bài.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Dựa vào khổ thơ thứ nhất, hãy miêu tả khung cảnh “cổng trời" theo hình dung của em.  + Câu 2: Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh nào? Em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? Vì sao?  + Câu 3: Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có những điểm chung nào?  + Câu 4: Theo em, điều gì đã khiến cho cảnh rừng sương giá như ấm lên?  + Câu 5: Nêu chủ đề của bài thơ.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt:  **Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên, thiên nhiên đã góp phần làm đẹp cuộc sống, làm đẹp cảm xúc và trí tưởng tượng của con người.** | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Khung cảnh cổng trời: Khoảng trời ở giữa hai bên vách đá cao, gió thoảng, mây trôi sà xuống, tạo nên một cảm giác thanh bình và tự nhiên.  + Từ cổng trời, cảnh vật hiện ra với những hình ảnh như ngút ngàn sắc hoa, thác reo, đàn dê siu đáy suối, cánh rừng nguyên sơ, một cánh đồng mênh mông, lúa chín ngập lòng thung, và tiếng nhạc ngựa rung.  Trong số các hình ảnh này, hình ảnh về cánh đồng mênh mông với lúa chín là thú vị nhất vì nó tạo ra một hình ảnh rộng lớn và phong phú về sự sống và màu sắc tự nhiên.  + Hình ảnh con người trong 2 khổ thơ cuối có điểm chung là họ đều thực hiện các hoạt động sinh hoạt hàng ngày trong thiên nhiên. Người Tày, người Giáy, người Dao đều được mô tả trong việc gặt lúa, trồng rau, đi tìm măng và hái nấm, cho thấy sự gắn kết của họ với tự nhiên và cuộc sống bền vững theo mùa.  + Cảnh rừng sương giá trở nên ấm lên chủ yếu do sự giao hòa giữa ánh nắng chiều và gió thổi. Mặc dù có sương giá, nhưng ánh nắng và gió thổi tạo ra một không khí dễ chịu và ấm áp, làm cho cảnh vật trở nên ấm áp và tươi mới.  + Chủ đề bài thơ là thiên nhiên tươi đẹp và sự gắn kết của con người với thiên nhiên.  - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học  - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. | | |
| **3.3. Đọc thuộc lòng**  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng.  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS học thuộc lòng cá nhân, tự học từng khổ, cả bài.  - Thi đọc thuộc lòng. | | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - VD:  + Bài thơ rất hay, thiên nhiên thật đẹp  + Em rất thích vẻ hoang sơ, thơ mộng của thiên nhiên.  + Câu thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, người lao động cần cù, chăm chỉ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
|  | | | |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Tiết 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

**Bài: TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Giúp học sinh nhớ lại bài học về từ ngữ có nghĩa giống nhau và nêu được một số từ ngữ có nghĩa giống nhau đã học ở các lớp dưới.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu danh từ, động từ, tính từ, ứng dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài học, biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV cho HS đọc đoạn thơ và tìm các từ có nghĩa giống nhauCò mải mê nhặt ốcChui giữa lách với lauĐôi cánh cò trắng phauBị lấm đầy bùn đất.Nhưng có biết ở sạchVội vã bước ra sôngCò tắm gội sạch bongLại tung bay trắng toát.(Võ Quảng)- GV nhận xét.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS trả lời:+ trắng phau – trắng toát+ Sạch – sạch bong **-** HS lắng nghe. | |
| **2. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau trong câu, trong đoạn văn, đoạn thơ.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | |
| Bài 1: **Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.**  Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất, nhặt lá khô, **tha** mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khoẻ và hăng say. Kiến **vác**, kiến lôi, kiến đẩy, kiến **nhấc** bổng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tíu tít...  (Theo Nguyễn Kiên)  Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngàn lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi **ban mai**. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hoà vào khúc tấu. Từ **sáng sớm**, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.  (Theo Hữu Vi)  a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau.  b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:  - GV mời cả lớp làm việc nhóm 2  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.  Bài 2. **Tìm trong mỗi nhóm từ dưới dãy những từ có nghĩa giống nhau.**  - GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài  a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó  b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia  c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh  - GV nhận xét, hỏi HS thế nào là từ đồng nghĩa?  - GV nhận xét, rút ghi nhớ  ***+ Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...).***  ***+ Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.***  Bài 3. **Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?**  - GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài.  - Cho HS trình bày.  a. Chân yếu tay mềm  b. Thức khuya dậy sớm  c. Đầu voi đuôi chuột  d. Một nắng hai sương  e. Ngăn sông cấm chợ  g. Thay hình đổi dạng  - GV nhận xét, chốt đáp án.  Bài 4: **Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.**  - GV cho HS đọc yêu cầu và làm bài vào vở theo nhóm 4.  - Cho HS trình bày.  Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1) (khai mạc/ bắt đầu) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2) (tốt tươi/ tươi tắn) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3) (no nê/ no đủ), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4) (đói khát/ đói rách) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.  (Theo Vũ Hùng)  - GV nhận xét. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.  a. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ hai có nghĩa giống nhau.  b. Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất có nghĩa gần giống nhau.  Những từ in đậm trong đoạn văn thứ nhất đều có ý nghĩa liên quan đến việc di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác. Nhưng vẫn có sự khác nhau:  - Khuân: Động tác mang hoặc đặt vật nặng lên vai hoặc lưng để di chuyển.  - Tha: Hành động kéo hoặc mang một vật phẩm nặng bằng cách sử dụng sức mạnh cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ như dây thừng.  - Vác: Hành động di chuyển hoặc mang vật phẩm từ một vị trí này sang một vị trí khác bằng cách nắm hoặc ôm nó.  - Nhấc: Hành động tăng cao vị trí của một vật phẩm bằng cách sử dụng cơ bắp hoặc thiết bị hỗ trợ, thường được thực hiện từ một vị trí thấp lên vị trí cao hơn.  - Các nhóm trình bày  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS làm cá nhân  - HS làm cá nhân  a. chăm chỉ, cần cù, siêng năng, chịu khó  b. non sông, đất nước, giang sơn, quốc gia  c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, yên tĩnh  - Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: bố, ba, cha,...) hoặc gần giống nhau (ví dụ: ăn, xơi, chén,...),  - HS đọc ghi nhớ nhiều lần.  b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia  c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh  - Hs tự làm bài.  - HS trình bày.  e. Ngăn, cấm  g. Hình, dạng  - HS đọc lại ghi nhớ.  - HS đọc và thảo luận làm bài.  - Đại diện nhóm HS trình bày.  Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường **Sơn bắt đầu** mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá **tốt tươi** tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất **no nê**, nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian **đói khát** của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng trò chơi “Ai nhanh – Ai đúng”.  + GV chuẩn bị một số từ ngữ để lẫn lộn trong hộp (trắng xóa, mang, xinh đẹp, quả, hổ).  + Chia lớp thành 2 nhóm, của một số đại diện tham gia (nhất là những em còn yếu)  + Yêu cầu các nhóm cùng nhau tìm những từ đồng nghĩa với từ em bốc được (chỉ người, vật,….) Đội nào tìm được nhiều hơn sẽ thắng cuộc.  - Nhận xét, tuyên dương. (có thể trao quà,..)  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - Các nhóm tham gia trò chơi vận dụng.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Tiết 3: VIẾT**

**Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho HS nhắc lại các kiểu bài văn miêu tả đã học.  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em đã được tìm hiểu ở lớp dưới cách viết bài văn tả phong cảnh (tức cảnh đẹp thiên nhiên). Tiết Tập làm văn hôm nay các em sẽ được tìm hiểu kĩ hơn về cách viết văn tả phong cảnh qua bài Đà Lạt. | - HS trả lời: tả đồ vật, tả con vật, tả cây cối.  - HS lắng nghe. | | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.**  - GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.  - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:  a. Bài văn trên tả gì?  b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.  c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.  d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  - Mời cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết:  *Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.* | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS đọc bài theo nhóm:  - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:  a. Bài văn trên tả cảnh Đà Lạt.  b.  - Mở bài: Từ đầu đến “thông mơ màng”. => Nội dung chính: Giới thiệu phong cảnh sẽ tả.  - Thân bài: Từ “Nằm trên độ cao” đến “dễ chịu vô cùng”. => Nội dung chính: Tả lần lượt từng phần của Đà Lạt.  - Kết bài: Phần còn lại. => Nội dung chính: Nêu nhận xét, cảm nghĩ của tác giả.  c.  - Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự không gian.  - Những từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh:  + Vị trí địa lí: độ cao 1500 mét so với mặt nước biển.  + Khí hậu: mát mẻ quanh năm.  + Cảnh vật:  Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi.  Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.  Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thắm xanh màu ngọc bích.  Mặt hồ: trong suốt như pha lê.  + Vườn hoa: muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp một chiếc áo lụa rực rỡ.  + Vườn rau: xanh tươi.  d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện đan xen trong lời miêu tả, trong lời nhận xét,… Ví dụ: “cảnh đẹp đến nao lòng”, “nơi nghỉ mát lí tưởng”, “tô điễm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ”, “thành phố xinh đẹp”  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - Cả lớp nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Biết được những lưu ý khi viết văn tả cảnh  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.**  + Phong cảnh được miêu tả  + Bố cục bài văn  + Trình tự miêu tả  + Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả  + Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV mời cả lớp làm việc nhóm.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ:  **Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:**  **+ Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.**  **+ Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.**  **+ Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.** | | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.  - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:  + Phong cảnh được miêu tả: Trước khi bắt đầu viết, cần xác định rõ phong cảnh mình muốn miêu tả, bao gồm các yếu tố như địa hình, thực vật, động vật, khí hậu, ánh sáng, màu sắc, âm thanh và mùi hương.  + Bố cục bài văn: Bài văn cần có một phần mở bài giới thiệu phong cảnh, một phần thân bài tả chi tiết về phong cảnh và một phần kết bài để tóm tắt và làm nổi bật lại vẻ đẹp của phong cảnh.  + Trình tự miêu tả: Trình tự miêu tả phong cảnh thường được sắp xếp từ các đặc điểm chung nhất đến các chi tiết cụ thể hơn. Ví dụ, có thể bắt đầu bằng mô tả về bức tranh tổng thể của phong cảnh, sau đó diễn đạt về các yếu tố như địa hình, thực vật, và cuối cùng là các yếu tố như ánh sáng, màu sắc và không khí.  + Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả: Chọn cảnh vật có ý nghĩa đặc biệt hoặc gợi cảm xúc mạnh mẽ để tăng tính thú vị và sức lôi cuốn của bài văn. Đồng thời, cũng cần chọn các cảnh vật phù hợp với đề tài và mục đích viết.  + Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh: Sử dụng ngôn từ mạnh mẽ và hình ảnh sinh động để tạo ra hình ảnh sống động và chân thực về phong cảnh. Đồng thời, cũng cần chú ý đến các yếu tố như ngữ điệu, sự lựa chọn từ ngữ và cú pháp để tạo ra hiệu ứng thú vị và ấn tượng đối với độc giả.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - 4 – 5 HS đọc nội dung ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  1/ Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo....).  2/ Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.  - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập.  - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS làm việc chung cả lớp và trình bày vào phiếu học tập. Nộp phiếu học tập để GV chấm, đánh giá kĩ năng vận dụng vào thực tiễn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

--------------------------------

**TUẦN 5:** **CHỦ ĐỀ 1: THIÊN NHIÊN KÌ THÚ**

**Bài 10: KÌ DIỆU RỪNG XANH (4 tiết)**

**Tiết 1 - 2: Đọc**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Đọc đúng và diễn cảm bài Kì diệu rừng xanh, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm xúc thích thú trước vẻ đẹp hoang sơ, đáng yêu của rừng.

Đọc hiểu: Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh gợi tả không gian được thể hiện trong bài, hiểu được công dụng của từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,… trong việc làm nổi bật vẻ dẹp của rừn. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc – vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được từ ngữ, hình ảnh biện pháp so sánh, nhân hóa,… trong việc làm nổi bật vẻ dẹp của rừng.

Đọc mở rộng: Đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng và trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc.

Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,… góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **Tiết 1**  **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho HS chia sẻ những điều thú vị về rừng theo hiểu biết hoặc theo tưởng tượng của em.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV trình chiếu bức tranh minh họa và dẫn dắt vào bài mới: Đây là cảnh cánh rừng xanh với những màu sắc tươi đẹp, thơ mộng, đáng yêu. Bài Kì diệu rừng xanh mà chúng ta học ngày hôm nay sẽ đưa các em đến với thế giới thiên nhiên kì thú. | | - HS quan sát kĩ bức tranh, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  + Sự đa dạng sinh học: Rừng là nơi có sự đa dạng sinh học phong phú, với hàng nghìn loài cây, động vật và sinh vật vi sinh sống trong môi trường đa dạng. Từ những cây to lớn đến những loài cỏ nhỏ, từ loài động vật lạ đến những sinh vật vi nhỏ, rừng mang lại một hệ sinh thái phong phú và phức tạp.  - Âm thanh của rừng: Khi bước vào rừng, bạn sẽ nghe thấy những âm thanh đặc trưng của nó. Tiếng chim hót vang lên, tiếng suối reo vang vọng và tiếng lá cây xào xạc dưới bước chân của bạn tạo ra một bản nhạc tự nhiên tuyệt vời.  - Khả năng chống chịu của rừng: Rừng có khả năng tự bảo vệ và tái tạo mình. Khi rừng bị phá hủy do chặt phá hoặc cháy rừng, sức sống mới sẽ nảy mầm từ những hạt giống và cây non, tạo ra một chu trình tái tạo tự nhiên đầy kỳ diệu.  - Sự kì bí của rừng sâu: Rừng sâu thường che phủ bởi bóng tối dày đặc và mênh mông, tạo nên một không gian bí ẩn và hấp dẫn. Những khu rừng sâu chưa được khám phá có thể ẩn chứa những loài động vật và thực vật mới mẻ mà chúng ta chưa từng biết đến.  - Ảnh hưởng của rừng đến khí hậu: Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát khí hậu của Trái Đất bằng cách hấp thụ khí CO2 và sản xuất oxy thông qua quá trình hô hấp của cây cối. Đồng thời, rừng còn giữ ẩm và làm mát môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến hệ thống khí hậu toàn cầu.  - HS lắng nghe. | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Kì diệu rừng xanh Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, hoang sơ, đáng yêu của cây cỏ, muông thú trong rừng.  - Cách tiến hành: | | | |
| **2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc.**  - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu phù hợp; những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.  - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.  - Gọi 1 HS đọc toàn bài.  GV chia đoạn: Bài đọc được chia thành 3 đoạn:  Đoạn 1: Từ đầu đến lúp xúp dưới chân  Đoạn 2: Từ Nắng trưa đến đưa mắt nhìn theo  Đoạn 3: Phần còn lại  - GV gọi 3 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *giang sơn, lụp xụp, mang vàng, len lách, mải miết,…*  - GV hướng dẫn luyện đọc câu:  Tôi có cảm giác/ mình là một người **khổng lồ**/ đang đi lạc đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người **tí hon**.  - GV HD đọc đúng ngữ điệu thể hiện ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.  - GV mời 3 HS đọc nối tiếp đoạn.  - GV nhận xét tuyên dương. | | | - Hs lắng nghe GV đọc.  - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc.  - 1 HS đọc toàn bài.  - HS quan sát và đánh dấu các đoạn.  - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.  - HS đọc từ khó.  - 2-3 HS đọc câu.  - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu.  - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. |
| **2.2. Hoạt động 2: Đọc diễn cảm.**  - GV đọc mẫu lần 2: Đọc diễn cảm toàn bài, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.  - Mời 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp đoạn.  - GV cho HS luyện đọc theo nhóm bàn (mỗi học sinh đọc 1 đoạn và nối tiếp nhau cho đến hết).  - GV theo dõi sửa sai.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp:  + GV tổ chức cho mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.  + GV nhận xét tuyên dương | | | - HS lắng nghe cách đọc diễn cảm.  - 3 HS đọc diễn cảm nối tiếp theo đoạn.  - HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm bàn.  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp.  + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. |
| **Tiết 2**  **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu, biết dựa vào lời văn để cảm nhận được nội dung chính của bài đọc  + Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hóa,… góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của rừng.  - Cách tiến hành: | | | |
| **3.1. Giải nghĩa từ.**  - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ.  - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có)  + Tân kì: mới lạ.  + Vượn bạc má: một loài vượn có chòm long trắng như bông ở hai má.  + Khộp: cây thân gỗ thẳng, họ dầu, lá to và rụng sớm vào mùa khô.  + Con mang (con hoẵng): loài thú rừng cùng họ với hươu, sừng bé có hai nhánh, lông màu vàng đỏ. | - HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ.  - HS nghe giải nghĩa từ | | |
| **3.2. Tìm hiểu bài.**  - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…  - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  + Câu 1: Vì sao những người đi rừng có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon?  + Câu 2: Muông thú trong rừng được miêu tả thế nào? Theo em, sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp gì cho rừng?  + Câu 3: Vì sao cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi”?  + Câu 4: Dựa vào nội dung đã tìm hiểu, em hãy đặt tên cho mỗi đoạn trong bài.  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học.  - GV nhận xét và chốt:  Vẻ đẹp kì thú của rừng xanh và cảm xúc yêu mến rừng, yêu mến thiên nhiên của tác giả. | - HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi:  + Những người đi rừng có cảm giác đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon vì môi trường xung quanh là một thành phố nấm lúp xúp dưới bóng cây thưa với các công trình kiến trúc tự nhiên như những chiếc nấm to bằng cái ấm tích, mỗi chiếc nấm là một lâu dài kiến trúc tân kì. Cảnh sắc này tạo ra cảm giác như họ là những người khổng lồ trong một thế giới nhỏ bé của những người tí hon.  + Muông thú được miêu tả như những con vượn bạc má ôm con gọn ghẽ chuyền nhanh như tia chớp và những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo. Sự có mặt của chúng mang lại vẻ đẹp hoang dã và sống động cho rừng, tạo ra một không gian tự nhiên hoang dã và đa dạng.  + Cảnh vật rừng khộp được gọi là "giang sơn vàng rợi" vì màu sắc của nó như một bức tranh mùa thu với lá úa vàng rực rỡ. Khi nắng chiếu qua, những tia ánh sáng tạo ra cảnh sắc lung linh, giống như giang sơn rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời.  + Đoạn 1: Thành phố nấm lúp xúp  Đoạn 2: Sự sống động của rừng  Đoạn 3: Cảnh vật rừng khộp  - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học  - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học. | | |
| **3.3. Luyện đọc lại.**  - GV Hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm.  - Mời một số học sinh đọc nối tiếp.  - GV nhận xét góp ý cách đọc diễn cảm | - HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm.  - 2 HS đọc nối tiếp đọc 2 đoạn trước lớp  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS đọc theo cặp | | |
| **3.4. Luyện tập theo văn bản.**  1. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1 Trong bài Kì diệu rừng xanh, những sự vật nào của tự nhiên được quan sát và miêu tả?  + Về thực vật  + Về động vật  + Về hiện tượng tự nhiên  - Mời học sinh làm việc nhóm 4.  - Mời đại diện các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  2. GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2: Tìm từ đồng nghĩa với mỗi tử dưới dây. Đặt câu với từ em tìm được.  + gọn ghẽ  + tí hon  + thưa thớt  - GV lưu ý học sinh sử dụng các từ ngữ và đặt câu cho phù hợp.  - Mời một số HS trình bày  - GV nhận xét, tuyên dương | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Các nhóm tiến hành thảo luận.  - Đại diện các nhóm trình bày.  Trong bài "Kì diệu rừng xanh", các sự vật của tự nhiên được quan sát và miêu tả bao gồm:  + Về thực vật: Cây, lá, cỏ, cây nấm.  + Về động vật: Vượn bạc má, chồn sóc, con mang.  + Về hiện tượng tự nhiên: Nắng, ánh sáng.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.  + gọn ghẽ: gọn gàng.  Cô gái ấy mặc trang phục gọn gàng và lịch sự.  + tí hon: nhỏ bé  Những người tí hon sống ở trong những ngôi nhà nhỏ bé dưới gốc cây.  + thưa thớt: ít ỏi  Rừng trở nên ít ỏi khi cây cỏ bị chặt hạ để làm đường mòn  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình sau khi đọc bài đọc  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | | - HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình.  - VD:  + Bài đọc rất hay, cản vật thật đẹp  + Câu văn đầy hình ảnh, gợi âm thanh.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | |
| IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:  .......................................................................................................................................  ....................................................................................................................................... | | | |

**-----------------------------------------------------------------**

**-------------------------------------------**

**Tiết 3: VIẾT**

**Bài: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH (Tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Nhớ lại cách viết đoạn văn, bài văn miêu tả đã học ở lớp 2, 3,4 để dễ dàng nhận biết những điểm mới về yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng làm vài văn kể chuyện sáng tạo.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho HS nhắc lại cách tả phong cảnh của thành phố Đà Lạt theo trình tự như thế nào? Nêu những chi tiết em còn nhớ trong bài văn miêu tả Đà Lạt  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em đã được tìm hiểu ở lớp dưới cách viết bài văn tả phong cảnh (tức cảnh đẹp thiên nhiên). Tiết Tập làm văn trước các em sẽ được tìm hiểu về cách viết văn tả phong cảnh qua bài Đà Lạt theo trình tự từng bộ phận. Hôm nay các em sẽ được tìm hiểu qua cách tả theo trình tự thời gian qua bài văn Bốn mùa qua ánh nước. | - HS trả lời: theo trình tự tả từng bộ phận.  Dòng suối: đổ xuống ào ào, chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi.  Rừng thông: cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.  Bầu trời: không chút gợn mây, luôn thắm xanh màu ngọc bích.  Mặt hồ: trong suốt như pha lê.  - HS lắng nghe. | | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng trình tự thời gian) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.**  - GV mời 1 HS đọc bài văn. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  - GV mời học sinh đọc lại yêu cầu theo nhóm bàn để nắm rõ nội dung bài.  - GV mời HS làm việc theo nhóm, đọc kĩ bài văn và trả lời các câu hỏi dưới đây:  **a.** Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?  b. Tìm phần mở bài, thần bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.  **c.** Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?  d.Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?  - GV mời các nhóm trình bày kết quả.  - Mời cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết:  *Qua bài tập 1 các em đã cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo trình tự thời gian) với bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.* | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  - HS đọc bài theo nhóm:  - HS làm việc theo nhóm, cùng nhau đọc bài văn và đưa ra cách trả lời:  a**.** Bài văn tả phong cảnh ở hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội)  b. Xác định mở bài, thần bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần như sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Mở bài | Từ đầu đến "xanh gợn sóng" | Giới thiệu khái quát về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm | | Thân bài | Từ "Mùa hè" đến "ước mơ bay bống" | Miêu tả phong cảnh hồ Hoàn Kiếm theo trình tự thời gian (thay đổi qua 4 mùa trong năm) | | Kết bài | Phần còn lại | Cảm nhận về phong cảnh hồ Hoàn Kiếm |   c) Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào 4 mùa trong năm (mùa hè, mùa đông, mùa xuân, mùa thu)  Những từ ngữ giúp em nhận ra trình tự đó là: "mùa hè", "về mùa đông", "vào dịp Tết Nguyên đán", "chim hót mùa xuân", "về mùa thu"  d) Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được những vẻ đẹp khác nhau của hồ Hoàn Kiếm vào từng mùa trong năm. Tuy vẫn là địa điểm đó, nhưng mỗi thời điểm khác nhau sẽ mang một vẻ đẹp khác nhau, rất đa dạng và thú vị  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - Cả lớp nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Biết được những lưu ý khi viết văn tả cảnh  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.**   Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.  - GV mời cả lớp làm việc nhóm.  **Bài 2:**So sánh trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước với bài Đà Lạt.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV mời cả lớp làm việc nhóm.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV mời HS đọc nội dung ghi nhớ:  **Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng,...) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.** | | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp lắng nghe.  - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:  Những điều em học được về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên:  Khi tả phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của năm tháng)  Sử dụng cùng lúc nhiều giác quan để quan sát và cảm nhận cảnh vật  Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh, nhân hóa để làm nổi bật đặc điểm cảnh vật  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.  - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:  Trình tự miêu tả của bài Bốn mùa trong ánh nước: Tả lần lượt từng phần, từng mùa của cảnh vật (theo trình tự thời gian). Cùng là một cảnh vật nhưng mỗi phần, mỗi mùa khác nhau thì lại có cách tả vẻ đẹp khác nhau. Khi đọc mỗi đoạn văn, mỗi phần tả, người đọc vẫn hiểu được trọn vẹn vẻ đẹp, nội dung miêu tả về đặc điểm ấy, song chỉ là một phần.  Trình tự miêu tả của bài Đà Lạt: Tả từng vẻ đẹp của phong cảnh (vị trí địa lí, khí hậu, cảnh vật, vườn hoa, vườn rau,…). Mỗi vẻ đẹp đều là vẻ đẹp của Đà Lạt. Song có tính logic cực cao, cần phải đọc tất cả bài văn hoặc nhiều đoạn văn mới có thể hiểu rõ được nội dung miêu tả - ghi nhớ các bộ phận, từng vẻ đẹp được tả để rút ra kết luận chung về vẻ đẹp của Đà Lạt.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung.  - 4 – 5 HS đọc nội dung ghi nhớ. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  1/ Nếu viết bài văn tả phong cảnh? Em sẽ chọn tả phong cảnh gì? Phong cảnh đó ở đâu? Em sẽ tả phong cảnh đó theo trình tự nào  - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày miệng.  - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS làm việc chung cả lớp và trình bày.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Tiết 4: VIẾT**

**Bài: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng.

- Rèn luyện và phát triển kĩ năng chia sẻ kiến thức đã học, đã đọc và kĩ năng trao đổi với bạn bè về những thông tin đã đọc.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực học tập, tiếp thu kiến thức để thực hiện tốt nội dung bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kĩ năng chia sẻ về vấn đề động vật hoang dã.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trò chơi và hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất yêu nước: Thông qua bài học, yêu quý và tự hào về thiên nhiên.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **1. Khởi động:**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV cho HS xem video Một số loài động vật hoang dã Việt Nam và hỏi HS em có biết động vật hoang dã nào không? Con vật đó có đặc điểm gì?.  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Các em vừa kể tên một số động vật hoang dã. Vậy ngoài những con vật các em kể ra ở Việt Nam và trên thế giới còn những động vật hoang dã nào nữa, chúng có đặc điểm và thói quen như thế nào thì chúng ta cùng tìm hiểu qua bài đọc mở rộng ngày hôm nay | - HS trả lời: con báo chạy nhanh, con voi rất to, con hổ săn mồi giỏi,...  - HS lắng nghe. | | |
| **2. Khám phá.**  - Mục tiêu:  + Biết đọc, ham thích đọc sách báo thông qua việc tìm đọc sách báo viết về động vật hoang dã, biết ghi chép những thông tin quan trọng.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 1: Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu. GV giải thích cách thực hiện nhiệm vụ.  Đọc mở rộng Bài 10 trang 54, 55 lớp 5 | Kết nối tri thức Giải Tiếng Việt lớp 5  - GV mời HS trình bày kết quả.  - Mời cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét chung, tuyên dương và tổng kết. | | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.  Em đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã: *“Mười vạn câu hỏi vì sao”, “Động vật hoang dã”…*  Đọc mở rộng Bài 10 trang 54, 55 lớp 5 | Kết nối tri thức Giải Tiếng Việt lớp 5  - Cả lớp nhận xét.  - HS lắng nghe. | |
| **3. Luyện tập.**  - Mục tiêu:  + Biết chia sẻ kiến thức đã học, đã đọc và kĩ năng trao đổi với bạn bè về những thông tin đã đọc.  + Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.  - Cách tiến hành: | | | |
| **Bài 2**Đọc mở rộng Bài 10 trang 54, 55 lớp 5 | Kết nối tri thức Giải Tiếng Việt lớp 5**. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**   - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.  - GV mời cả lớp làm việc nhóm.  **Bài 3: Trao đổi với bạn về sách báo đã đọc.**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - GV mời cả lớp làm việc nhóm.  Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:  - Tóm tắt những thông tin chính đã đọc về thế giới động vật hoang dã (tên loài vật, nơi sinh sống, đặc điểm, thói quen,...).  - Chia sẻ những thông tin thú vị về loài vật đã đọc trong sách báo.  - GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, tuyên dương. | | | - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2. Cả lớp lắng nghe.  - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:  **PHIẾU ĐỌC SÁCH**  Tên sách báo: Thú rừng Tây Nguyên  Tác giả: Thiên Lương  Ngày đọc: 24/10/2024  Nội dung chính: Những câu chuyện dí dỏm, dung dị kể về những chuyến đi săn “cải thiện” của bộ đội Tây Nguyên trong những năm chiến tranh, bom đạn khốc liệt đã cuốn hút hàng trăm ngàn bạn nhỏ. Sau mỗi trang sách, Tây Nguyên hiện ra tuyệt đẹp như một vườn thú tự nhiên khổng lồ rộn tiếng chim kêu, vượn hú, voi rống, hổ gầm…, Thế giới muôn thú với vô vàn tập tính, thói quen khác lạ, ngộ nghĩnh dẫn ta đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.  Các loài động vật hoang dã được nói tới: Bầy hươu, con lợn rừng, con mang, con voi, ngựa,….  Những thông tin mới và bổ ích đối với em: Mang không phải nai con nhưng cũng có khi đi ăn lẫn với bầy nai, nhờ chân nai đạp bật cỏ để ăn.  Mức độ yêu thích: 5 sao  - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3. Cả lớp lắng nghe.  - Cả lớp làm việc nhóm, thảo luận và trình bày kết quả:  Thú rừng Tây Nguyên kể về những câu chuyện dí dỏm kể về những chuyến đi săn “cải thiện” của bộ đội Tây Nguyên trong những năm chiến tranh, bom đạn khốc liệt đã cuốn hút hàng trăm ngàn bạn nhỏ. Sau mỗi trang sách, Tây Nguyên hiện ra tuyệt đẹp như một vườn thú tự nhiên khổng lồ rộn tiếng chim kêu, vượn hú, voi rống, hổ gầm…, Thế giới muôn thú với vô vàn tập tính, thói quen khác lạ, ngộ nghĩnh dẫn ta đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.  - Các nhóm nhận xét, bổ sung. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  - Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành: | | | |
| - GV nêu yêu cầu để HS tham gia vận dụng:  Ghi chép những thông tin quan trọng về một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam.  https://img.loigiaihay.com/picture/2024/0419/2024-04-07-222648_16.PNG  - GV mời HS làm việc chung cả lớp và trình bày miệng.  - GV chấm một số bài, đánh giá nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS làm việc chung cả lớp và trình bày.  Một số động vật có tên trong Sách đỏ Việt Nam:  + Sao la: Loài này có vóc dáng như bò nhưng có sừng dài và cong. Chúng sống ở các khu vực núi cao của Việt Nam và Lào.  + Sóc đỏ: Là loài sóc lớn có màu lông đỏ, đuôi dài. Sống trong rừng nhiệt đới ẩm ở miền Trung và miền Nam Việt Nam.  + Rùa mai mềm: Loài rùa lớn, sống ở vùng sông Hồng có mai mềm. Đang đối mặt với tình trạng nguy cấp nghiêm trọng cần được bảo tồn.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. | | |

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................